

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CƠ BẢN CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO

Lê Minh Thiện
Viện Tâm lý học.

Nghiên cứu tâm lý tôn giáo nhằm hiểu được các đặc điểm tâm lý của tín đồ thông qua việc thực hiện các hành vi tôn giáo của họ và phân biệt với những đặc điểm tâm lý của người không theo tôn giáo. Trong bài viết này chúng tôi đề cập đến một số yếu tố tâm lý cơ bản những người theo tôn giáo.

1. Niềm tin tôn giáo

Trước hết niềm tin của những người theo tôn giáo có tính *bền vững*. Niềm tin tôn giáo là niềm tin chắc chắn, có thật, là một niềm tin mang tính chủ quan trực giác, không cần lý giải một cách khoa học. Người nào muốn theo một tôn giáo trước hết nhất định phải có niềm tin. Sự hoài nghi ngăn trở con người đến với đạo. Công giáo là một tôn giáo độc thần. Tín lý công giáo là tôn thờ Chúa Ba Ngôi. Điều cốt lõi nhất của tín đồ công giáo chỉ được phép tôn thờ một Chúa Ba Ngôi, còn các đấng khác chỉ là kính. Niềm tin (hay Đức tin) của người Công giáo là sự tin tưởng của bản thân mỗi người vào Chúa và những giáo lý của Chúa. Đó là sự tự do của mỗi con người đáp lại lời mời gọi của Chúa mà người đó nhận thấy bản thân mình tin tưởng vào những lời mời gọi đó. Đức tin không phải sự tin tưởng đơn lẻ, không ai có thể tin một mình cũng như không ai có thể sống một mình, không ai tự cho mình đức tin. Người công giáo nhận đức tin từ người khác và phải truyền đạt cho người khác bằng tình yêu của chính họ. Đức tin là tin tưởng của toàn bản thân bao gồm ý chí, tư tưởng, hành động và việc làm của con người gắn bó với Thiên Chúa. Với tín đồ theo đạo phải có niềm tin vào chính đạo của họ, tin vào lời dạy của Chúa, tin vào kinh thánh, giáo lý. Chính đức tin này đã thúc đẩy họ thực hiện các hành vi tôn giáo một cách tích cực và có ý nghĩa. Niềm tin này được thể hiện ở sự tin tưởng vào chính tôn giáo mà họ đang theo.

Theo kết quả của một cuộc khảo sát nhằm tìm hiểu niềm tin vào Chúa trời của người công giáo cũng như những tín điều trong giáo lý của họ, thì có tới 97,25% người trả lời tin có Chúa trời; 90,85% người trả lời tin loài người được sinh ra bởi Chúa; 88% số người trả lời tin tội Tổ tông truyền; 80% người trả lời tin có ngày Tận thế (tức là ngày Chúa tái lâm) và 88,2% số người trả lời tin phép Thánh Thể để hiệp thông với Chúa ⁽¹⁾. Nếu so sánh niềm tin vào Thiên Chúa của người công giáo ở 3 khu

vực Bắc, Trung, Nam thì thấy rằng ở Thành phố Hồ Chí Minh là 99,2%, Huế 98,8%, ở Hà Nội là 89,7%⁽²⁾. Như vậy, số liệu nghiên cứu thực tế cho thấy niềm tin của người công giáo vào Chúa ở Thành phố Hồ Chí Minh, Huế và Hà Nội là tương đối ngang nhau và giữ vững. Cũng từ niềm tin đó mà bản thân các tín đồ tham gia vào các nghi lễ và thực hành các lễ nghi tôn giáo, tuân giữ những quy định của giáo hội như: tham dự các ngày lễ trọng, các ngày lễ chúa nhật, xưng tội... chiếm tỷ lệ cao, phù hợp với giáo lý và điều răn của đạo.

2. Sợ tội

Theo quan niệm của người công giáo thì *tội* là thứ làm cho con người xa lánh Thiên Chúa, mất ơn nghĩa cùng Chúa. Khi con người mắc tội nghĩa là họ làm mất lòng Chúa, làm tổn thương đến Chúa, làm mất mối liên hệ của chính họ với Chúa. Trong sách kinh bốn, giáo lý của đạo có nhiều điều răn dạy, điều buộc, tín lý nói rõ thế nào là *tội*. Khi con người làm trái với những điều trong kinh sách hay những quy định của giáo hội nghĩa là phạm tội. Các tội nặng hay nhẹ đều dựa trên căn cứ, đối chiếu với các điều lệ, giáo lý, giáo luật và những điều ghi trong kinh sách đã quy định. Khi phạm tội thì bản thân cá nhân đã luôn ý thức về tội lỗi của mình, họ luôn luôn cảm thấy mình xa lánh Chúa. Họ mong muốn gặp được linh mục để xưng tội, chỉ khi nào xưng tội với linh mục, được linh mục thay mặt Chúa tha tội cho họ, khi đó họ mới thanh thản và cảm thấy nối lại được mối liên hệ với Chúa. Sau khi xưng tội họ được chịu bí tích Thánh Thể và họ tin tưởng rằng bí tích này giúp họ giao hoà với Chúa. Trong giáo luật cũng quy định, người giáo dân mỗi năm xưng tội ít nhất là một lần, nhưng trong thực tế họ có thể xưng một hay vài lần. Nghiên cứu ở Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có 74,00% giáo dân cho biết họ xưng tội một năm từ một đến vài lần⁽³⁾. Tỷ lệ này phù hợp với quy định của giáo luật. Bên cạnh đó có những giáo dân xưng tội một năm rất nhiều lần, thậm chí xưng tội hàng tháng. Điều này phụ thuộc vào chính bản thân họ, mặc cảm tội lỗi và niềm tin của họ với Chúa. Theo nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ xưng tội nhiều lần trong năm thường tập trung vào những người cao tuổi. Thường người già ở những vùng công giáo có nhiều thời gian, họ thường xuyên đến cầu nguyện và đến nhà thờ, mong muốn luôn được kết hợp với Chúa, người già thường nghĩ rằng nếu không may ra đi đột ngột thì tâm hồn không được thanh thản, do vậy khi mắc tội thì bản thân luôn mong muốn được xưng tội ngay.

3. Sợ mất đạo, khô đạo hay nhạt đạo

Đặc điểm tâm lý này thường thể hiện bởi sự lo lắng của các vị chức sắc trong tôn giáo, các vị có uy tín trong đạo hay những người giữ những chức vị trong xứ, họ đạo, trong các cộng đồng, nhóm tôn giáo. Họ lo lắng bà con giáo dân ở xứ, họ đạo của mình lơ là, ít tham gia hay không tham gia các lễ nghi tôn giáo, chểnh mảng việc đạo. Đặc điểm này còn được thể hiện ngay những người trụ cột trong gia đình như ông bà, cha mẹ và những người lớn trong gia đình, họ phải có trách nhiệm đối với các thành viên trong gia đình. Họ thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc và dạy bảo người thân của mình lo giữ đạo và tuân theo những lời dạy bảo trong kinh sách. Chính do đặc điểm này mà trước đây một số tín đồ ngoan đạo thường ngại đi làm ăn xa vì họ lo lắng những nơi mình đến sẽ không có nhà thờ, không có linh mục để họ tham dự thánh lễ

và thực hiện bổn phận của mình. Để giữ đạo, khi đi làm ăn ở đâu đó, người có đạo thường tìm hiểu xem ở đó có nhà thờ, có linh mục không để thuận lợi cho việc giữ đạo.

Ngày nay trong thời buổi kinh tế thị trường, do nhu cầu cuộc sống, nhiều thanh niên trong những làng quê công giáo phải đi làm ăn ở nơi xa, những người trong gia đình và ngay chính bản thân họ cũng mong muốn họ trở về quê hương xứ sở của mình vào những ngày lễ lớn, lễ trọng. Một mặt thăm gia đình, bà con, mặt khác là tham dự các nghi lễ cùng với cộng đồng của họ.

Đặc điểm này còn thấy trong hôn nhân công giáo. Thông thường thì những người trong cùng tôn giáo kết hôn với nhau. Đây là một điều thuận lợi cho cả gia đình và bản thân họ. Trong thực tế cuộc sống, có nhiều cặp hôn nhân được hình thành nhưng không cùng tôn giáo, do đi làm ăn, học tập và quen biết rồi lấy nhau, người công giáo thường muốn những người khác theo đạo của mình. Người công giáo không muốn con em và bản thân mình từ bỏ tôn giáo của gia đình và của chính họ.

4. Tự tôn cộng đồng

Ở nhiều vùng nước ta, người công giáo thường sống thành từng làng, từng xóm, hình thành nên những xứ, họ đạo. Cũng có những vùng sống xen kẽ giữa người theo đạo và không theo đạo công giáo. Tâm lý tự tôn cộng đồng buộc người công giáo phải sống mẫu mực hơn, gương mẫu hơn. Thực tế cho thấy rằng ở những xứ, họ đạo, trong những làng công giáo tình hình an ninh thường không phức tạp, tỷ lệ ly hôn thấp, ít xô sát, tệ nạn xã hội thấp, ít trọng án. Điều này một mặt là do sự giáo dục con em từ chính các gia đình, các chức sắc, mặt khác là do bản thân họ ý thức về vị trí, uy tín của cộng đồng và muốn bảo vệ cộng đồng của họ.

Tự tôn cộng đồng còn thể hiện ở sự tiếp nhận những người khác theo đạo của mình nhằm làm tăng thêm số lượng tín đồ, làm cho cộng đồng ngày càng lớn mạnh. Người công giáo sẵn sàng tiếp nhận, dạy dỗ, giúp đỡ những người muốn theo đạo hoặc chấp thuận kết hôn với những người khác không cùng tôn giáo và mong muốn họ theo đạo của mình.

Tóm lại, để hiểu biết thêm về đời sống cũng như những sinh hoạt tôn giáo của người công giáo, chúng ta cần hiểu được đặc điểm tâm lý cơ bản của họ. Qua các hành vi tôn giáo chúng ta có thể hiểu tâm tư, nguyện vọng, mong muốn, tình cảm của người công giáo và những tác động trở lại của những đặc điểm tâm lý này đến đời sống hiện tại của chính bản thân họ và cộng đồng tôn giáo.

Chú thích

1. Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội, 2001, Tr. 302.
2. Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội, 2001, Tr. 303.
3. Đặng Nghiêm Vạn. *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001. Tr. 245.